

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá tại phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 2 năm 2025 trên địa bàn thành phố Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;
Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
Căn cứ Nghị định số 47/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;
Căn cứ Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;
Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết

một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Kế hoạch số 456/KH-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố phê duyệt bổ sung danh mục mỏ khoáng sản vào Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 88/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1546/TTr-SNNMT ngày 07 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá tại phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 2 năm 2025 trên địa bàn thành phố Huế thuộc khu vực mỏ được UBND thành phố phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Kế hoạch số 456/KH-UBND ngày 17/12/2024 và Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 và theo Phụ lục đính kèm.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND thành phố, các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, tính pháp lý của hồ sơ, nội dung thẩm định, tham mưu trình UBND thành phố tại Tờ trình số 1546/TTr-SNNMT ngày 07 tháng 5 năm 2025.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ tiền đặt trước, bước giá được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này thực hiện phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tài chính, Tư pháp; Chi cục thuế khu vực XII; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- VP: LĐ và CV: NVTC, NĐ, GT;
- Công TTĐT thành phố (để đăng tin);
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục

(Kèm Quyết định số 1494 /QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND thành phố Huế)

TT	Tên khu vực (Vị trí mỏ)	Diện tích (ha)	Điểm góc	Tọa độ VN2000 (KTT 107°, múi chiếu 3°)		Tài nguyên cấp 334b (m³)	Giá khởi điểm R _{dg} =mức thu tiền cấp quyền KTKS (%)	Giá khởi điểm Tạm tính (làm tròn) (đồng)	Tiền đặt trước (20% giá khởi điểm tạm tính) (làm tròn) (đồng)	Bước giá=10% mức thu tiền cấp quyền KTKS (%)	Ghi chú
				X(m)	Y(m)						
1	Mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực xã Thủy Bằng, quận Thuận Hóa	16,51	M1	1.807.703,52	566.365,46	2.000.000 m³	3%	3.134.700.000	626.940.000	0,3%	Thuộc Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt tại Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023
			M2	1.807.738,28	566.706,16						
			M3	1.807.701,71	566.744,19						
			M4	1.807.392,49	566.961,58						
			M5	1.807.251,47	566.831,88						
			M6	1.807.300,19	566.689,71						
			M7	1.807.499,63	566.445,63						